

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/HNGĐ-ST

Ngày 16/10/2019

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Sửu.

Bà Nguyễn Thị Bích.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Lương Thất Tùng- Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 16/10/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 67/2018/TLST-HNGĐ ngày 17/12/2018 về việc tranh chấp “ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2019/QĐXX-ST ngày 30/8/2019, quyết định hoãn phiên tòa số 27/2019/QĐ-ST ngày 17/9/2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh ngày 16/10/1990.

Số chứng minh nhân dân: 122031711 do Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 13/7/2012.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

* Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng của chị Nguyễn Thị Q: Bà Lưu Thị C, sinh năm 1971. Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

* Bị đơn: Anh Huang, Yu-H, sinh ngày 13/11/1976.

Số chứng minh thư: P124028423; Hộ chiếu số: 309210703.

Quốc tịch: Trung Quốc.

Địa chỉ: Số 138, đường Vn, cụm 10, phường B, thị trấn Đ, huyện V, lãnh thổ Đài Loan (Trung Quốc).

(Vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 07/12/2018 nguyên đơn là chị

Nguyễn Thị Q trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ngày 29/9/ 2014 tôi và anh Huang, Yu - H có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang, Việt Nam. Sau khi đăng ký kết hôn xong tôi sự kiến sẽ sang Trung Quốc để sinh sống lâu dài cùng với anh Huang, Yu - H . Tuy nhiên sau nhiều lần lần thủ tục tại cơ quan đại diện của Đài Loan ở Việt Nam nhưng tôi vẫn không được chấp nhận để được nhập cảnh vào Đài Loan chung sống cùng chồng. Từ đó đến nay chúng tôi mất liên lạc, tôi và anh Huang, Yu - H không còn thông tin và liên hệ được với nhau. Chúng tôi đã qua thời gian dài mất liên lạc, sống ly thân. Nay tôi xác định tình cảm của tôi và anh Huang, Yu - H không còn, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Huang, Yu - H.

2. Về con chung: Tôi và anh Huang, Yu - H không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Tôi và anh Huang, Yu - H không có tài sản và nghĩa vụ chung về tài sản nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do điều kiện tôi đi làm việc ở xa nên không thể về tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa tôi và anh Huang, Yu - H được. Vì vậy, tôi đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa tôi và anh Huang, Yu - H, Tôi giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại đơn khởi kiện và bản tự khai.

Chị Nguyễn Thị Q ủy quyền cho bà Lưu Thị C (sinh năm 1971. Địa chỉ: thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang) là mẹ đẻ nhận văn bản tố tụng của Tòa án.

* Bị đơn là anh Huang, Yu - H có địa chỉ tại Đài Loan, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã ban hành văn bản ủy thác tư pháp số 47/UTTPDS-TA5 ngày 17/12/2018 gửi Bộ Tư pháp về việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và lấy lời khai của đương sự theo quy định của pháp luật (Hồ sơ ủy thác tư pháp số 48/UTTPDS-TA5 ngày 17/12/2018).

Tại công văn số 1434/BTP-PLQT ngày 22/5/2019 của Bộ Tư pháp gửi Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang thể hiện nội dung: *“Bộ Tư pháp đã nhận được Văn bản số 1080056692 ngày 07/5/2019 của Bộ Tư pháp lãnh thổ Đài Loan thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp theo đề nghị của Quý cơ quan tại công văn số 47/UTTPDS-TA5 ngày 17/12/2018 đối với đương sự Huang, Yu - H có địa chỉ tại Đài Loan. Theo đó, cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy*

thác tư pháp nêu trên vào ngày 03/4/2019 bằng phương thức : Chuyển cho người sống chung cùng đương sự.

Bộ Tư pháp xin gửi văn bản nói trên và các tài liệu kèm theo để Quý cơ quan giải quyết theo thẩm quyền”.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn là anh Huang, Yu - H không có văn bản thể hiện quan điểm về yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Q , anh Huang, Yu - H cũng vắng mặt không có lý do trong quá trình Tòa án thông báo, triệu tập đến giải quyết vụ án.

*Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Q vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Huang, Y đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) công bố đơn khởi kiện; bản tự khai của chị Nguyễn Thị Q; tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Đối với Thẩm phán, Thư ký, HĐXX chấp hành đúng quy định của pháp luật; về phía các đương sự thì chị Nguyễn Thị Q chấp hành đúng quy định pháp luật, anh Huang, Y không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Xét mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được, đề nghị HĐXX giải quyết cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Huang, Yu-H ; về con chung không có nên không giải quyết; tài sản chung, công nợ chị Nguyễn Thị Q khai không có nên không giải quyết; Chi phí tố tụng chị Nguyễn Thị Q phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Q là công dân Việt Nam, cư trú tại Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam. Hiện chị Nguyễn Thị Q có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Huang, Yu - H. Anh Huang, Yu - H (Quốc tịch: Trung Quốc) là bị đơn hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, cư trú tại địa chỉ: Số 138, đường V, cụm 10, phường B, thị trấn Đầu Nam, huyện V, lãnh thổ Đài Loan (Trung Quốc). Như vậy, Tòa án xác định đây là vụ án tranh chấp “ly hôn” có đương sự là người nước ngoài, đang cư trú ở nước ngoài và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 127- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2]. Về việc đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án đã ban hành văn bản tố tụng và gửi cho các đương sự về thời gian xét xử vụ án. Chị Nguyễn Thị Q có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Huang, Yu - H vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, khoản 3, Điều 228; Điều 238; điểm b, khoản 5, Điều 477- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Q và anh Huang, Yu - H.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

[3.1]. Chị Nguyễn Thị Q và anh Huang, Yu - H kết hôn trên cơ sở có được tự do tìm hiểu, tự nguyện, làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang, Việt Nam ngày 29/9/2014. Do vậy HĐXX xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi đăng ký kết hôn xong chị Q dự kiến sẽ sang Đài Loan (Trung Quốc) để sinh sống lâu dài cùng với chồng. Tuy nhiên sau nhiều lần lần thủ tục tại cơ quan đại diện của Đài Loan ở Việt Nam nhưng chị Q vẫn không được chấp nhận để được nhập cảnh vào Đài Loan chung sống cùng chồng. Từ đó đến nay hai vợ chồng mất liên lạc, không liên hệ được với nhau. Vợ chồng có thời gian dài mất liên lạc, sống ly thân. Nay chị Nguyễn Thị Q xác định tình cảm vợ chồng với anh Huang, Yu - H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn.

[3.2]. Hội đồng xét xử thấy: Kể từ khi kết hôn đến nay thì vợ chồng chị Nguyễn Thị Q và anh Huang, Yu-H không có sự liên lạc với nhau. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình (Việt Nam) thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng chị Nguyễn Thị Q, anh Huang, Yu-H đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Huang, Yu - H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Huang, Yu - H .

[4]. Về con chung: chị Nguyễn Thị Q và anh Huang, Yu-H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: chị Nguyễn Thị Q khai chị và anh Huang, Yu - H không có tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về chi phí tố tụng:

[6.1]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, Điều 27-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[6.2]. Về lệ phí ủy thác tư pháp: Căn cứ quy định tại Điều 151; khoản 3, Điều 153; Điều 154- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xử lý như sau:

- Về lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác đã nộp tại biên lai số AA/2018/0000136 ngày 02/01/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị Q đã thi hành xong lệ phí dân sự sơ thẩm.

- Về lệ phí ủy thác bản án ra nước ngoài: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác đã nộp tại biên lai số AA/2018/0000377 ngày 30/7/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị Q đã thi hành xong lệ phí ủy thác tư pháp bản án dân sự sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; khoản 2, Điều 123; Điều 127- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; Điều 151; khoản 3, Điều 153; Điều 154; khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, khoản 3, Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; điểm b, khoản 5, Điều 477; khoản 2, Điều 479 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, Điều 27-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Huang, Yu - H

2. Về chi phí tố tụng:

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*

đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2018/0000118 ngày 17/12/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Q đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 400.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác đã nộp tại biên lai số: AA/2018/0000136 ngày 02/01/2019 và số tiền 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác đã nộp tại biên lai số: AA/2018/0000377 ngày 30/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị Q đã thi hành xong lệ phí ủy thác tư pháp.

3. Về quyền kháng cáo:

- Anh Huang, Yu-H (Quốc tịch: Trung Quốc) đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Chị Nguyễn Thị Q hiện cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã T, L;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Ong Thân Thắng

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- UBND huyện L;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ong Thân Thắng

CÁC HỘI THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lý Đình Đạt Trần Thanh Bình

Ong Thân Thắng

